

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- * Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
- * Mã chứng khoán: PCT
- * Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- * Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334
- * Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Thanh Hải (Giám đốc Công ty)
- * Loại thông tin công bố:
 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- * Nội dung công bố thông tin: Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải dầu khí Cửu Long.
- * Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/01/2018 tại đường dẫn www.pct.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC



Số:/TTTr – PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt nội dung đưa vào chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông Công ty xem xét và phê duyệt các nội dung đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

1. Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung điều lệ của Công ty.
2. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Giám đốc Công ty.
4. Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị.
5. Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2017. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
6. Tờ trình về trích lập các quỹ năm 2017.
7. Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát.
8. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018.
10. Tờ trình phê duyệt việc miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2013-2018.
11. Tờ trình bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
12. Tờ trình chia cổ tức năm 2017.
Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP.HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long đã tiến hành xây dựng dự thảo Điều lệ của Công ty với các nội dung đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, các văn bản pháp luật khác và phù hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (theo văn bản đính kèm).

Điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 biểu quyết thông qua sẽ được áp dụng và có hiệu lực ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ-VẬN TẢI
DẦU KHÍ CỬU LONG**

**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ-
VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG
(PCT)**

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Đại diện được ủy quyền.....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	31
Điều 37. Kiểm soát viên.....	31
Điều 38. Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	35
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 46. Năm tài chính.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán.....	36
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	Error! Bookmark not defined.
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 50. Kiểm toán.....	37
XVII. CON DẤU.....	37
Điều 51. Con dấu.....	37
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ.....	37
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 53. Giải thể.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 55. Điều lệ công ty.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long tổ chức chính thức vào ngày 29 tháng 01 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

– Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ -Vận tải Dầu khí Cửu Long.

– Tên công ty viết bằng tiếng Anh: Cuu Long Petrogas service – transportation joint stock company.

– Tên viết tắt: CGT JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

– Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PJICO TOWER, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

– Điện thoại: (028) 62582 330/6 2582 331

– Fax: (028) 62582 334

– Email: info@pct.com.vn

– Website: www.pct.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất xe có động cơ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Điều hành tua du lịch; Quảng cáo; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; đóng tàu và cầu kiện nổi; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hành khách đường bộ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê xe có động cơ; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bốc xếp hàng hoá.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Xây dựng Công ty thành đơn vị cung cấp dịch vụ cho thuê xe văn phòng chuyên nghiệp, uy tín và thỏa mãn sự hài lòng của khách hàng; Phát triển đội xe bồn chuyên dụng vận chuyển LPG đứng hàng đầu khu vực phía Nam, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, an toàn và hiệu quả; Xây dựng và phát triển lĩnh vực vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa; Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn vốn và phát triển vốn. Đảm bảo tổ đa lợi ích cổ đông, quyền lợi và lợi ích cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông:

1. Vốn điều lệ của Công ty là 230.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 23.000.000 (hai mươi ba triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này,

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó theo đúng trình tự pháp luật quy định

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp người đăng ký mua cổ phần không thanh toán đầy đủ theo đúng hạn theo quy định đối với số cổ phần đã đăng ký mua thì chỉ có quyền biểu quyết, nhận cổ tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán. Đồng thời người đăng ký mua cổ phần phải chịu mọi chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ đúng thời hạn gây ra.

2. Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị được quyền bán.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định.

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp.
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo bằng văn bản cho Công ty và tổ chức lưu ký chứng khoán khi có sự thay đổi địa chỉ.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm tài chính đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi

phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại ngoại trừ chi phí do cổ đông chi tiêu, chi phí ăn ở và đi lại khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này

không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty (Tổ chức lại)

j. Giải thể Công ty;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các Hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

c. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ

đồng hoặc/và đề cử ứng viên nếu có bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Kiến nghị/đề cử phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị/đề cử phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp hoặc/và ứng viên, số lượng ứng viên đề cử kèm theo các tài liệu chứng minh ứng viên đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

c Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự

kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty.
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty
- f) Nội dung Hợp đồng ký kết có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất **đã được kiểm toán** của

Công ty với những người theo quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

g) Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi theo khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và ý kiến khác đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và ý kiến khác đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và ý kiến khác; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- Có đơn từ chức

b. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm khi có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và bầu người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng

quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bầu thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bầu có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ 05 năm của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét lại việc miễn nhiệm nếu có căn cứ cho rằng Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị không có căn cứ pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

g. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

l. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;

m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc ;

o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của** công ty ngoại trừ trường hợp thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

c. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

c. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

d. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực

hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các

phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị và người ghi biên bản phải ký vào Biên bản cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu

hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc

dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

3. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) theo đúng thời hạn quy định.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Giải thể

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự theo quy định của pháp luật.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 39 (ba mươi chín) trang, 21 (hai mươi một) chương, 56 (năm mươi sáu) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần dịch vụ- vận tải sản dầu khí Cửu Long nhất trí thông qua ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Khách sạn Thắng Lợi (Victory Hotel) số 14 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

Số /TTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ- Vận tải Dầu khí Cửu Long;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội cổ đông Công ty xem xét, thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống)	4512
02	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
03	Bốc xếp hàng hoá	5224

Trân trọng kính trình

Nơi nhận:

- Như trên
- BKS
- Lưu VT; HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số:...../BC-PCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long xin trình bày Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Đặc điểm tình hình

a. Khó khăn

Năm 2017 là một năm mà kinh tế Việt Nam có nhiều khởi sắc với tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tuy nhiên đây vẫn là một năm còn nhiều khó khăn với các doanh nghiệp trong ngành dầu khí, đối tượng khách hàng chủ yếu của Công ty. Các doanh nghiệp dầu khí vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc quyết liệt, phải thắt chặt chi tiêu, tăng cường tiết kiệm chi phí quản lý nên ít có cơ hội phát triển kinh doanh cho các đơn vị cung cấp dịch vụ như PCT.

Do Công ty đã chuyển một lượng lớn xe và khách hàng cho Công ty Đông Dương nên mảng kinh doanh xe văn phòng giảm cả về quy mô và hiệu quả.

Công ty đã phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh mới về dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình, dịch vụ vận tải thủy nhưng do mới bắt đầu triển khai, thiếu kinh nghiệm nên trong quá trình triển khai còn nhiều khó khăn, không mang lại hiệu quả như mong đợi.

Năm 2017, trong quá trình tái cấu trúc, PCT tiếp tục có nhiều sự biến động về nhân sự. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của PCT trong năm 2017.

b. Thuận lợi

PCT là một đơn vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực cho thuê xe văn phòng, đặc biệt là trong việc phục vụ các doanh nghiệp trong ngành dầu khí nên vẫn nhận được sự tín nhiệm của các đơn vị này.

Tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty tiếp tục thể hiện được sự đoàn kết quyết tâm lao động, phấn đấu vì mục tiêu phát triển chung.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

➤ **Các chỉ tiêu tài chính đạt được:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017 (số liệu chưa kiểm toán)	Tỷ lệ TH 2017/TH 2016
1	Tổng doanh thu	955.691	394.215	41,25%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.559	1.562	5,88%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.158	1.113	5,26%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	20.413	14.110	94,06%

➤ **Phân tích, đánh giá hoạt động trong từng lĩnh vực kinh doanh chính:**

Doanh thu năm 2017 giảm so với năm 2016 do các nguyên nhân sau:

Công ty thu hẹp mảng kinh doanh thương mại LPG, vận chuyển bằng xe bồn với tổng doanh thu của 2 mảng này chỉ đạt lần lượt là 39% và 4% so với năm 2016;

Lĩnh vực kinh doanh khai thác tàu kéo và sà lan sau khi công ty đầu tư cặp tàu kéo và sà lan đã phát sinh lỗ 6,668 tỷ VNĐ, cùng với việc lợi nhuận bị giảm 3,9 tỷ do dùng nguồn tiền mặt cho việc đầu tư này; hơn nữa cặp tàu kéo sà lan do đầu tư ban đầu khá cao, chi phí phát sinh cao do không khai thác được chuyển ngắn phải chạy hàng từ ngoài bắc vào duyên hải, trong quá trình khai thác thường xuyên bị hư hỏng, va chạm nhiều dẫn đến mất thời gian tàu nằm chờ và chi phí sửa chữa, bồi thường thiệt hại ngoài phạm vi bảo hiểm chi trả.

Hoạt động kinh doanh vận tải thủy và bảo dưỡng, nâng cao tuổi thọ công trình mới triển khai nên chưa có nhiều kinh nghiệm dẫn đến doanh thu thấp, chi phí quản lý cao.

Năm 2017, giảm số lượng lớn xe do khách hàng hết hạn và chấm dứt hợp đồng do tình hình khó khăn chung của các khách hàng vì đa phần khách hàng của công ty thuộc lĩnh vực dầu khí. Hơn nữa, giá cho thuê cũng bị cắt giảm do các đơn vị này khó khăn.

Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016. Cụ thể chi tiết cho từng lĩnh vực như sau:

2.1 Dịch vụ kinh doanh cho thuê xe và cung ứng nhân lực lái xe

Doanh thu: 81.739 triệu đồng

Lợi nhuận gộp: 7.132 triệu đồng

Chi phí quản lý phân bổ: 4.279 triệu đồng

(Chi phí quản lý phân bổ cho từng loại hình kinh doanh theo tiêu chí tỷ lệ lao động quản lý tham gia trong từng loại hình)

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 2.855 triệu đồng

Hiện nay, Công ty đang quản lý kinh doanh khai thác trên 150 xe vận phòng các loại (CNCS: 81 xe; CNMB: 08 xe và thuê ngoài 61 xe)

Trong năm 2017, với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ thị trường, một số khách lớn của Công ty như Idemitsui, Mitsui, Gas Sounth,... ngừng hợp đồng và giảm số lượng xe thuê của Công ty. Bên cạnh việc duy trì tốt các hợp đồng dịch vụ với các khách hàng hiện có như Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Tổng Công ty PVEP, Biển Đông POC, Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ, Công ty Castrol BP, Phú Quốc POC, Công ty Cửu Long JOC ... Công ty đã phát triển thêm một số khách hàng lớn như VietMedical, Mediplast, y tế Việt Nhật....và các đơn vị ngoài ngành khác.

2.2 Dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình

Doanh thu đạt : 3.464 triệu đồng

Lợi nhuận gộp : - 743 triệu đồng

Chi phí quản lý phân bổ: 2.647 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: - 3.390 triệu đồng (lỗ)

Đây là lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty, bắt đầu triển khai từ năm 2016. Mặc dù Công ty đã ký các thỏa thuận hợp tác, liên danh, liên kết với một số đơn vị trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm, dịch vụ bảo vệ Ca Tốt, bọc chân đế cầu cảng; lĩnh vực cung cấp các sản phẩm, dịch vụ quấn gia cường đường ống bị ăn mòn (Wrapping); hệ thống Camera giám sát nhiệt độ, phát hiện rò rỉ khí, chất lỏng, ... Năm 2017, Công ty cũng đã tích cực tham gia các gói thầu của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty lọc hóa dầu Bình Sơn, Cảng Chân Mây, Liên doanh VietsoPetro, Nhà máy Nhiệt điện Duyên hải,... Tuy nhiên do thị trường trong ngành dầu khí vẫn còn nhiều khó khăn và thiếu kinh nghiệm trong công tác triển khai nên hoạt động này cũng không đạt kết quả như mong muốn. Năm 2018 Công ty sẽ tạm dừng hoạt động cung cấp dịch vụ này.

2.3 Dịch vụ Vận tải thủy

Doanh thu : 4.336 triệu đồng

Lợi nhuận gộp : - 1.798 triệu đồng

Chi phí quản lý phân bổ: 4.869 triệu đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế: - 6.668 triệu đồng (lỗ)

Với việc đầu tư một cặp sà lan, tàu kéo vào đầu năm 2017, Công ty chính thức tham gia thị trường vận tải thủy với định hướng phục vụ vận chuyển than cho nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải.

Tháng 4/2017, tàu kéo và sà lan chính thức về đến Việt Nam, tuy nhiên lại đúng thời kỳ lên đà sửa chữa, bảo dưỡng lớn của sà lan. Thời gian lên đà sửa chữa kéo dài cộng với trong thời gian vận hành do chưa có kinh nghiệm quản lý nên tàu kéo và sà

lan hay gặp sự cố, hư hỏng. Vì vậy trong năm 2017, Công ty mới vận chuyển được 02 chuyên than từ Cẩm phá đến Nhà máy Nhiệt điện Duyên hải.

Với chi phí sử dụng vốn đối với số tiền đầu tư cho cặp sà lan, tàu kéo 1 năm vào khoảng 3,9 tỷ đồng (tính theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6,5%/năm), thì lỗ của cặp sà lan, tàu kéo này trong năm 2017 là 10.568 triệu đồng.

2.4 Lĩnh vực kinh doanh thương mại

Doanh thu LPG : 276.245 triệu đồng

Lợi nhuận gộp: 87 triệu đồng

Năm 2017, Công ty thu hẹp hoạt động kinh doanh LPG/CNG do hiệu quả kinh tế thấp, doanh thu chỉ bằng

Cuối năm 2017, Công ty nghiên cứu triển khai hoạt động mua bán xe ô tô với doanh thu đạt năm 2017 đạt 17.564 triệu đồng, lợi nhuận là 100 triệu đồng.

Chi phí quản lý phân bổ cho mảng kinh doanh thương mại là 1.729 triệu đồng.

Lĩnh vực kinh doanh thương mại năm 2017 lỗ 1.542 triệu đồng.

➤ Công tác đầu tư:

Trong năm 2017, Công ty cũng đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch được phê duyệt, công tác đầu tư được tổ chức thực hiện nghiêm túc và tuân thủ theo các quy định và qui chế đầu tư của Pháp luật và của Công ty. Trong đó:

- Dự án đầu tư xe kinh doanh cho thuê: đã đầu tư được 10 xe các loại, với tổng giá trị đầu tư là 17 tỷ 829 triệu đồng.
- Dự án đầu tư sà lan trọng tải 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP vận chuyển than: tổng giá trị đầu tư là 60 tỷ 126 triệu đồng. Công ty đã đưa vào khai thác từ tháng 9/2017.
- Đã hoàn tất thủ tục quyết toán các xe đã đầu tư trong năm 2017.

3. Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

3.1 Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và lao động tiền lương

Hiện nay tổng số cán bộ nhân viên Công ty là: 133 người. Khối lao động gián tiếp 36 người chiếm 27%, khối lao động trực tiếp 97 người chiếm 73% tổng số lao động.

Công ty đang duy trì mô hình hoạt động bao gồm 03 phòng chuyên môn và 04 đơn vị tham gia trực tiếp sản xuất kinh doanh: Phòng khai thác thương mại, Chi nhánh Côn Sơn, Chi nhánh Đại Hùng, Chi nhánh Miền Bắc.

Trong năm 2017, công tác cán bộ của Công ty tiếp tục được kiện toàn góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2017 đạt 12.4 triệu đồng/người/tháng. Đánh giá chung, công tác trả lương, trả thưởng năm 2017 tiếp tục được thực hiện đúng theo Quy chế. Quy định khen thưởng định kỳ đã được điều chỉnh theo hướng có tiêu chí, thang điểm đánh giá cụ thể hơn, việc bình xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên dễ thực hiện và nghiêm túc hơn so với trước đây.

3.2 Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Chính quyền và các tổ chức Đoàn thể, năm 2017 đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa: Công đoàn Công ty đã nhận phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Quế với kinh phí 02 triệu đồng/tháng đến khi bà mất vào tháng 4/2017;

Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV: gặp mặt CB.CNV nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức đêm hội trăng rằm cho các cháu thiếu nhi nhân tết trung thu; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các CBCNV.

4. Đánh giá chung những kết quả đạt được

Năm 2017 là một năm có nhiều khó khăn đối với Công ty. Các lĩnh vực kinh doanh không hiệu quả như vận tải xe bồn, taxi đã ngừng hẳn, lĩnh vực kinh doanh LPG vẫn được duy trì nhưng hiệu quả rất thấp. Các lĩnh vực kinh doanh mới đã được triển khai quyết liệt, tuy nhiên do thiếu kinh nghiệm triển khai, chưa theo sát được nhu cầu của khách hàng nên không mang lại hiệu quả. Kết quả kinh doanh năm 2017 chỉ dừng lại ở mức bảo toàn vốn với lợi nhuận trước thuế ước đạt triệu đồng

Trong năm Công ty có sự biến động lớn về nhân sự của Hội đồng quản trị. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017. Tuy nhiên với các thành viên Hội đồng quản trị mới có kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty dự kiến triển khai sẽ là cơ hội để Công ty đạt được những kết quả tốt hơn trong năm 2018.

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2017 không đạt như kế hoạch đề ra, nhưng Công ty cũng đã làm tốt công tác quản trị, kiểm soát được những rủi ro phát sinh trong kinh doanh; các mặt hoạt động xã hội, đoàn thể, văn thể mỹ của Công ty được quan tâm thoả đáng.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018

1. Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Kết quả SXKD thực hiện năm 2017;
- Căn cứ vào nhiệm vụ tái cấu trúc, chấm dứt các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp để tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt hơn cho Công ty;

- Các nguồn lực của PCT (về con người, phương tiện, tài sản thị trường, thương hiệu) có trong năm 2017 và dự kiến trong năm 2018.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

- Tập trung phát triển, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng, tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành tại khu vực phía Nam và các tỉnh phía bắc.
- Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, chấm dứt các lĩnh vực hoạt động kinh doanh không phải là thế mạnh, hiệu quả thấp.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

3. Các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu kế hoạch 2018	Tổng số	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Tổng Doanh thu	201.401	51.386	49.566	49.808	50.641
2	Lợi nhuận trước thuế	9.974	3.447	2.223	1.734	2.570
3	Lợi nhuận sau thuế	7.939	2.747	1.769	1.378	2.046
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	7.675	847	4.337	1.295	1.196

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018

4.1. Đối với dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng

- Công ty tiếp tục duy trì tốt các hợp đồng dịch vụ với các khách hàng hiện có như Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Tổng Công ty PVEP, Biển Đông POC, Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ, Phú Quốc POC, Cửu Long JOC, VietMedical, Mediplast, y tế Việt Nhật ... bằng các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng phù hợp.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá, tiếp thị và phát triển kinh doanh đội xe văn phòng đến các đối tác bên ngoài tập đoàn, chú trọng phát triển mảng dịch vụ xe hạng sang.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên sale năng động, nhiệt huyết; đội ngũ nhân viên điều hành xe chuyên nghiệp, tận tình đảm bảo sự hài lòng của khách hàng.

4.2. Đối với dịch vụ vận tải thủy

- Thực hiện tốt các hợp đồng vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, đảm bảo thời gian và chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Chuyên tuyến khai thác từ Cẩm phả - Duyên hải sang khai thác chuyên Gò Gia – Duyên hải có hành trình ngắn hơn và ít chịu ảnh hưởng của thời tiết gió mùa nhằm nâng cao hiệu quả khai thác. Ngoài ra, Công ty tiếp tục mở rộng tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu vận chuyển cát, vật liệu xây dựng để tận dụng khai thác tối đa công suất của tàu kéo và sà lan.
- Đàm phán với các đối tác để nhận khai thác thêm các tàu, sà lan phục vụ cho vận chuyển than, cát, thạch cao.... Góp phần gia tăng lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, quản lý thuyền viên vận hành tàu kéo và sà lan, đảm bảo tàu kéo và sà lan vận hành an toàn, hiệu quả.
- Tham gia lĩnh vực vận chuyển hàng rời bằng đường biển. Tìm kiếm cơ hội đầu tư tàu biển chở hàng rời phù hợp.

4.3. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại

- Tạm dừng hoạt động kinh doanh thương mại đối với LPG/CNG do mang lại hiệu quả kinh tế thấp.
- Tiếp tục kinh doanh mua bán xe ô tô trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Mở rộng tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh các lĩnh vực mới.

4.4. Giải pháp về đầu tư và quản lý tài chính

- Bám sát nhu cầu của thị trường để linh hoạt lựa chọn thời điểm đầu tư hợp lý, vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất trong ngắn hạn nhưng vẫn đảm bảo các chỉ số tài chính doanh nghiệp đạt mức an toàn.
- Đầu tư trên cơ sở tiến độ triển khai công việc và hiệu quả kinh doanh, xác định rõ lộ trình đầu tư.
- Tăng cường hệ thống quản trị tài chính kế toán, xác định chính xác nhu cầu vốn trong từng thời kỳ, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.

4.5. Giải pháp về tổ chức quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, đào tạo và đảm bảo đội ngũ cán bộ chủ chốt có năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật cho sát với thực tế, hệ thống các quy trình, quy chế đảm bảo bộ máy vận hành hiệu quả, tiết kiệm theo đúng quy định.
- Công tác tuyển dụng cần đảm bảo lựa chọn đúng người đúng việc nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc và tiết kiệm chi phí cho Công ty.
- Đảm bảo tốt chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty, quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Phối hợp với các Đoàn thể tổ chức tốt các phong trào thi đua sản xuất và cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình xử lý công việc trong Công ty.

4.6 Thanh lý tài sản

Hiện nay Công ty đang có tài sản là 03 mảnh đất tại khu Bắc Rạch Chiếc, Quận 9 đã đầu tư từ năm 2008 và có chủ trương thanh lý tài sản đảm bảo mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Năm 2018 là một năm tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn có nhiều khó khăn (nhất là trong ngành dầu khí) ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ của quý vị cổ đông, sự chỉ đạo sát sao của và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và của CBCNV, Công ty PCT sẽ thực hiện được tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đề ra.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG THANH HẢI

Số: /BC-PCT-HĐQT

TP.HCM, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 như sau:

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2017:

Hội đồng quản trị từ 19/05/2017 đến 06/12/2017 bao gồm các thành viên:

1. Ông Phạm Quang Huy – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT
3. Ông Hồ Sĩ Thuận – Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Công Tâm – Thành viên HĐQT

Ngày 06/12/2017 Hội đồng quản trị bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

Ngày 07/12/2017 Ông Phạm Quang Huy xin từ nhiệm, Hội đồng quản trị bầu Ông Lê Hoàng Phương tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

Ngày 08/12/2017 Ông Nguyễn Công Tâm xin từ nhiệm. Đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông Hồ Sĩ Thuận làm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 11/12/2017 Hội đồng quản trị bầu Ông Nguyễn Bá Nghị tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

Như vậy đến thời điểm hiện tại Hội đồng quản trị công ty gồm các thành viên sau:

1. Ông Hồ Sĩ Thuận – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý – Thành viên HĐQT
4. Ông Lê Hoàng Phương – Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Bá Nghị – Thành viên HĐQT

2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua các Nghị quyết của HĐQT; HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 cho Giám đốc thực hiện;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội.
- Phê duyệt dự án đầu tư sà lan trọng tải 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP vận chuyển than.
- Phê duyệt định biên lao động, đơn giá tiền lương 2017, công tác cán bộ và lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cho năm tài chính 2017. Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ chủ chốt.

3. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty:

- Lĩnh vực xe vận phòng và cung ứng nhân lực lái xe: Chính sách tiết kiệm, thắt chặt chi tiêu của hầu hết các doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đáng kể đến việc phát triển và mở rộng thị phần vận tải của công ty. Đây là lĩnh vực hoạt động mang lại hiệu quả tốt nhất nhưng thị phần chủ yếu trong ngành Dầu khí và chưa mở rộng được phạm vi hoạt động ra các đối tượng bên ngoài Ngành, vì vậy HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành tăng cường tìm kiếm khách hàng trong và ngoài ngành dầu khí với giá cả cạnh tranh để đa dạng hóa đối tượng khách hàng và mở rộng thị phần.
- Mặc dù các Thành viên hội đồng quản trị đại diện cho cổ đông lớn là PVTrans đã không đồng ý và phản đối mạnh trong việc đầu tư xà lan, tàu kéo nhưng các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại vẫn phê duyệt đầu tư. Lĩnh vực kinh doanh vận tải hàng rời (than) bằng xà lan và tàu kéo tuyến thủy nội địa cỡ lớn trong năm 2017 do một số nguyên nhân chính sau:
 - + Chúng loại, thiết kế xà lan không phù hợp với tuyến dịch vụ, điều kiện thời tiết... nên xà lan, tàu kéo liên tục gặp sự cố, dừng chờ thời tiết dẫn đến thời gian vận doanh rất thấp
 - + Tổng mức đầu tư cao so với các phương tiện tương tự của các đối thủ cạnh tranh.
 - + Năng lực, kinh nghiệm về khai thác, quản lý phương tiện vận tải thủy của Ban điều hành thấp
- Dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình là lĩnh vực kinh doanh mới, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành hợp tác với các đơn vị uy tín trên thế giới như JST, Quantum IR Technologies, APAVE...tiếp tục xây dựng và phát triển mở rộng thị

trường, khách hàng trong và ngoài ngành. Nhưng kết quả hoạt động của lĩnh vực trên vẫn tiếp tục không có hiệu quả trong năm 2017.

- Lĩnh vực kinh doanh vận tải LPG bằng xe bồn cũng gặp khó khăn khi các nghị định, thông tư của chính phủ ngày càng siết chặt việc quản lý tải trọng trong giao thông vận tải, đạt hiệu quả thấp. Do đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tạm dừng hoạt động kinh doanh mảng này, tiến hành thanh lý thu hồi vốn đầu tư và cho thuê xe bồn.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại LPG rất khó khăn khi giá LPG thế giới liên tục giảm, Công ty lại thiếu cơ sở hạ tầng (kho, trạm chiết nạp...) cho lĩnh vực kinh doanh LPG nên tuy doanh thu lớn (chiếm trên 70% trên tổng doanh thu toàn công ty) nhưng chưa có tiềm năng trong tương lai do đang tham gia ở phân khúc bán buôn của thị trường. Đồng thời có rủi ro tiềm ẩn rất lớn trong việc phát sinh công nợ khó đòi. Vì vậy HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hạn chế lĩnh vực kinh doanh LPG, lựa chọn khách hàng có năng lực tài chính vững, uy tín cao, kiểm soát chặt chẽ không để phát sinh nợ xấu cho công ty, nghiên cứu phương án phát triển kinh doanh để đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Chi nhánh Hà nội cũng chưa phát huy được việc phát triển thị trường khu vực phía Bắc nên kết quả Kinh doanh của Chi nhánh Hà nội bị lỗ....

*** Công tác quản lý:**

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008: xây dựng, điều chỉnh hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.
- Phê duyệt cơ cấu hoạt động và định biên nhân sự Công ty, đưa ra các chính sách thu hút, hỗ trợ và nâng cao thu nhập cho người lao động.

*** Công tác sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, tài sản:**

- Công ty đã áp dụng phần mềm trong công tác quản lý kỹ thuật cho đội xe, lắp đặt hệ thống định vị GPS, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật phương tiện, kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng, giữ gìn tốt hơn, thanh lý các xe cũ, hư hỏng nhiều để giảm chi phí sửa chữa và thu hồi nhanh vốn đầu tư, đầu tư xe mới để thay thế phục vụ nhu cầu của khách hàng.

*** Công tác thực hành tiết kiệm:**

- Công ty tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm và giáo dục người lao động ý thức tiết kiệm.
- Chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình đầu tư, kinh doanh, dịch vụ và đưa ra các các giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh

doanh. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban điều hành công ty thực hiện đúng và đầy đủ.

*** Công tác đầu tư:**

- Công tác đầu tư trong năm 2017 được thực hiện như sau:
 - ✓ Dự án đầu tư xe văn phòng kinh doanh cho thuê: đã đầu tư được 32 xe các loại, với tổng giá trị đầu tư 32.797.000.000 đồng.
 - ✓ Dự án đầu tư sà lan trọng tải 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP vận chuyển than với tổng giá trị đầu tư tạm ghi nhận 60.126.598.200 đồng.

*** Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Tổng doanh thu: 394.215 triệu đồng- đạt 39,42% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 1.562 triệu đồng- đạt 5,83 % kế hoạch;
- Nộp NSNN: 14.110.triệu đồng-đạt 94,06 % kế hoạch.

(Chi tiết xem Báo cáo hoạt động năm 2017 của Giám đốc Công ty)

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2017 đã không hoàn thành chức trách nhiệm vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt rất thấp so với KQKD năm 2016, Công ty hầu như không có lợi nhuận.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Theo nhận định của HĐQT, năm 2018 sẽ vẫn tiếp tục khó khăn do Công tác đầu tư sai lầm trong năm 2017. Lĩnh vực cho thuê xe văn phòng tiếp tục cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là Uber, Grab. Giá trị xe ô tô trên thị trường liên tục giảm dẫn đến việc giá trị xe đánh giá lại giảm.

Tuy nhiên trong năm 2018 có thuận lợi là Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã được kiện toàn. Nhân sự HĐQT và Ban giám đốc có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết hơn trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện tốt kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018, HĐQT cần chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2018:
 - ✓ Doanh thu: 201.401 triệu đồng.
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế: 9.974 triệu đồng.
 - ✓ Nộp NSNN: 7.675 triệu đồng.

- Tái cấu trúc doanh nghiệp một cách toàn diện: Tái cấu trúc cơ cấu lĩnh vực kinh doanh, bộ máy tổ chức Công ty, bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ bám sát theo định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả.
- Tìm kiếm giải pháp khai thác Tàu kéo, xà lan tối ưu để giảm thiểu mức Lỗ. Trong trường hợp không thể có giải pháp khả thi sẽ xem xét phương án thanh lý, cắt lỗ cho Công ty.
- Nỗ lực thu hồi khoản đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp SCI đang tiềm ẩn rủi ro mất vốn.
- Tham gia lĩnh vực vận chuyển hàng rời bằng đường biển. Tìm kiếm cơ hội đầu tư tàu biển chở hàng rời phù hợp.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức... để tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số:/TTTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc **Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 (đính kèm) kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long trong năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017 (số liệu chưa kiểm toán)	TH/KH năm 2017
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.000.000	394.215	39,42%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.800	1.562	5,83%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.440	1.114	5,19%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	15.000	14.110	94,06%
5	Thực hiện đầu tư	224.250	77.956	34,76%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Căn cứ tình hình thị trường và năng lực của đơn vị, Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	201.401
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.974
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.939
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	7.675

3. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính năm 2017;
- Phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017;
- Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017, Điều chỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 nếu có theo Báo cáo tài chính được kiểm toán và Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà PJICO TOWER, 186 Điện Biên Phủ, P6, Q3, TP.HCM

Điện thoại: 028.62582330 Fax: 028.62582334



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Tp Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG**

Tầng 3, Toà nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ - P.6 - Q.3 - Tp.HCM - Việt Nam

Mẫu số B 01-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.920.809.958	164.418.908.752
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.013.354.028	100.225.634.171
1. Tiền	111	V.1	9.604.802.117	10.425.634.171
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	26.408.551.911	89.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	26.000.000.000	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.413.568.494	30.664.554.919
1. Phải thu của khách hàng	131		18.723.534.495	24.371.798.072
2. Trả trước cho người bán	132		13.438.394.541	13.573.402.352
3. Các khoản phải thu khác	136	V.3a	7.026.964.872	13.427.649.205
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(20.775.325.414)	(20.708.294.710)
IV. Hàng tồn kho	140		138.136.563	1.063.153.598
1. Hàng tồn kho	141	V.4	138.136.563	1.063.153.598
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.355.750.873	2.465.566.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	444.025.659	155.501.530
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.380.566.029	1.699.441.701
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10b	531.159.185	610.622.833
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.346.959.089	125.217.106.248
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.555.800.000	270.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	2.555.800.000	270.000.000
II. Tài sản cố định	220		118.204.501.865	65.819.692.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221		118.176.609.691	65.680.231.595
- Nguyên giá	222	V.6	151.190.155.685	95.592.022.954
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.6	(33.013.545.994)	(29.911.791.359)
2. Tài sản cố định vô hình	227		27.892.174	139.460.794
- Nguyên giá	228	V.7	733.967.020	733.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.7	(706.074.846)	(594.506.226)
III. Bất động sản đầu tư	230		8.511.460.000	8.511.460.000
1. Nguyên giá	231	V.8	8.511.460.000	8.511.460.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.492.500	49.492.500
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	49.492.500	49.492.500
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		49.972.677.617	49.972.677.617
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	49.972.677.617	49.972.677.617
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.053.027.107	593.783.742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.694.181.261	184.545.455
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	358.845.846	409.238.287
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		272.267.769.047	289.636.015.000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.122.177.979	34.088.254.108
I. Nợ ngắn hạn	310		18.122.177.979	34.088.254.108
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.279.279.928	9.593.012.498
2. Người mua trả tiền trước	312		2.576.345.360	1.328.059.050
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.10	-	-
4. Phải trả người lao động	314		3.292.748.375	8.979.636.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.618.832.082	8.453.509.200
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.575.307.371	5.435.858.779
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		779.664.863	298.178.235
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.145.591.068	255.547.760.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	254.145.591.068	255.547.760.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		839.178.790	839.178.790
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.387.913.232	22.790.083.056
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.274.285.957	1.632.112.070
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.113.627.275	21.157.970.986
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		272.267.769.047	289.636.015.000

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


Hoàng Lê Hương


Lương Minh Dương




Đặng Chanh Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Toà nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ - P.6 - Q.3 - Tp.HCM - Việt Nam

Mẫu số B 02-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	383.347.499.684	929.675.727.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		383.347.499.684	929.675.727.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	378.569.283.104	909.835.286.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.778.216.580	19.840.441.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.927.907.456	5.777.828.496
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.218.147	18.363.890
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	5.330.204
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	-	67.408.189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	13.523.650.698	18.911.513.746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		181.255.191	6.620.984.411
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.939.156.329	20.237.866.270
12. Chi phí khác	32	VI.6	558.167.263	299.721.559
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.380.989.066	19.938.144.711
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.562.244.257	26.559.129.122
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	398.224.541	3.478.793.600
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	50.392.441	1.922.364.537
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.113.627.275	21.157.970.985
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		48,42	810,53
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		48,42	810,53

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Hoàng Lê Hương

Lương Minh Dương



Đặng Chanh Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Tầng 3, Toà nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ - P.6 - Q.3 - Tp.HCM - Việt Nam

Mẫu số B 03-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.562.244.257	26.559.129.122
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	13.733.933.345	18.787.719.353
- Các khoản dự phòng	03	67.030.704	(3.330.349.127)
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	1.030.168	
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.740.432.994)	(25.408.920.810)
- Chi phí lãi vay	06	-	5.330.204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.623.805.480	16.612.908.742
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.418.102.100	123.283.068.675
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	925.017.035	11.646.677.561
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể Lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	11	(16.351.669.054)	(59.492.367.421)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.798.159.935)	741.115.295
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	266.108.066
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(5.330.204)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(494.118.244)	(5.383.018.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(2.034.310.471)	(2.791.317.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.711.333.089)	84.877.844.610
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(77.956.126.474)	(39.549.487.031)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.700.106.669	90.104.801.296
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.000.000.000)	(49.972.677.617)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	10.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.756.102.919	6.240.753.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.499.916.886)	17.623.390.580
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của d.nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.998.240.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.998.240.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(20.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(64.211.249.975)	81.801.235.190
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	100.225.634.171	18.424.398.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.030.168)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.013.354.028	100.225.634.171

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Hoàng Lê Hương

Lương Minh Dương



Dương Chanh Hải



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ vận tải, Thương mại, Kỹ thuật hàng hải

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, bằng đường thuỷ nội địa.
- Mua bán: phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas: LPG, CNG, LNG (không mua bán gas tại trụ sở).
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở - không thiết kế phương tiện vận tải).
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
- Kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng.
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện.
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt. Kinh doanh vận tải biển.
- Mua bán phân bón.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); thủy sản.
- Sản xuất xe có động cơ (trừ sản xuất xe máy và không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Bán buôn, cho thuê máy móc - thiết bị - phụ tùng ngành giao thông vận tải.
- Bán buôn vật liệu xây dựng.
- Quảng cáo thương mại.
- Chiết nạp sản phẩm gas (không hoạt động tại TP.HCM).

4. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Côn Sơn: Tầng 3 Tòa nhà PJICO, Số 186 Điện Biên Phủ, P.6, Q.3, TPHCM.
- Chi nhánh Đại Hùng: Tầng 3 Tòa nhà PJICO, Số 186 Điện Biên Phủ, P.6, Q.3, TPHCM.
- Chi nhánh Vũng Tàu: Số 654 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chi nhánh Miền Bắc: Số 1, Ngõ 135, Phố Núi Trúc, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán của Công ty:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam căn cứ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và tuân thủ kịp thời các Thông tư khác của Bộ tài chính ban hành.
3. **Hình thức Kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và phù hợp qui định của Chuẩn mực kế toán " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

a. Đối với Chứng khoán kinh doanh:

- Thời điểm ghi nhận là T+0
- Giá trị ghi sổ được xác định là giá trị gốc
- Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Chênh lệch giữa Giá thị trường và giá gốc

b. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- Giá trị ghi sổ được xác định là giá trị gốc
- Các khoản đầu tư là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các NH thương mại

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

- Các khoản nợ phải thu được phân loại theo từng đối tượng
- Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại
- Các giao dịch của PCT bằng tiền đồng Việt nam nên các khoản phải thu là VN đồng,
- Lập dự phòng theo TT 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a. Nguyên tắc Kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Giá trị ghi sổ theo Nguyên giá
- Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được đưa vào chi phí sản xuất
- Phương pháp khấu hao: phương pháp đường thẳng theo nguyên giá

b. Nguyên tắc Kế toán Bất động sản đầu tư

- Giá trị ghi sổ theo giá gốc
- Vì bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất nên không khấu hao

6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

a. Nguyên tắc kế toán Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- Căn cứ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Thuế suất được sử dụng: theo thuế suất hiện hành của năm được hoãn
- Được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

b. Nguyên tắc kế toán Thuế TNDN hoãn lại

- Căn cứ: Chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Thuế suất được sử dụng: theo thuế suất hiện hành của năm được hoãn
- Được bù trừ với Tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

- Chi phí trả trước phân bổ gồm: Chi phí Bảo hiểm TSCĐ, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, ...
- Thời gian phân bổ từ 1 - 3 năm

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

- Các khoản nợ phải trả được phân loại theo từng đối tượng
- Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại
- Các giao dịch của PCT bằng tiền đồng Việt nam nên các khoản phải trả là VN đồng,
- Không có trích lập dự phòng phải trả

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Là các chi phí được xác định, thực tế đã chi trả hoặc phải trả, tuy nhiên chưa có chứng từ hóa đơn
- Chi phí phải trả bao gồm: Thuê văn phòng, điện nước, nhiên liệu tiêu hao, các chi phí dịch vụ phải trả tương ứng với dịch vụ bán ra.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Chi phí dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn góp chủ sở hữu ghi nhận theo vốn thực góp
- Lợi nhuận chưa phân phối được xác định là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Nguyên tắc phân phối lợi nhuận: Theo điều lệ và thông qua Đại hội cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Tuân thủ đầy đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực "Doanh thu và Thu nhập khác"
- Phương pháp xác định doanh thu từ hoạt động tài chính: Đánh giá khả năng thu từ đầu tư tài chính tại ngày cuối quý.
- Phương pháp ghi nhận thu nhập khác: theo thực tế phát sinh

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

- Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu
- Đảm bảo nguyên tắc thận trọng
- Các khoản ghi giảm giá vốn là các khoản được chiết khấu từ người bán hàng: LPG

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

- Ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, kể cả số trích trước.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh
- Điều chỉnh giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là chênh lệch số ước tính các chi phí điện nước, văn phòng... nhưng không đáng kể.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: áp dụng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền	31/12/2017	31/12/2016
- Tiền mặt	211.007.695	116.319.504
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.393.794.422	10.309.314.667
- Các khoản tương đương tiền	26.408.551.911	89.800.000.000
Cộng	36.013.354.028	100.225.634.171

2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Ngắn hạn	26.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	26.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
b) Dài hạn	49.972.677.617	-	49.972.677.617	49.972.677.617
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu	49.972.677.617		49.972.677.617	49.972.677.617
- Các khoản đầu tư khác				
	75.972.677.617	-	79.972.677.617	79.972.677.617

3 Phải thu khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.026.964.872	1.351.364.468	13.427.649.205	1.351.364.468
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu "Trích trước lãi tiền gửi"	335.520.803		1.227.091.944	
- Phải thu "Trích trước doanh thu lãi trái phi	103.833.333		189.047.000	
- Phải thu người lao động	1.227.021.720	455.021.034	2.201.595.709	455.021.034
- Ký cược, ký quỹ	1.396.283.539		5.339.802.000	
- Phải thu khác	3.964.305.477	896.343.434	4.470.112.552	896.343.434
b) Dài hạn	2.555.800.000	-	270.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu người lao động				
- Ký cược, ký quỹ	2.555.800.000		270.000.000	
- Các khoản chi hộ				
- Phải thu khác				
	9.582.764.872	1.351.364.468	13.697.649.205	1.351.364.468

4 Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-		792.941.797	
- Hàng hóa	138.136.563		270.211.801	
	138.136.563	-	1.063.153.598	-

5 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SX, KD dở dang dài hạn				
Cộng	-	-	-	-
b) Chi phí XDCB dở dang dài hạn				
- Mua sắm	49.492.500	49.492.500	49.492.500	49.492.500
- Xây dựng cơ bản				
- Sửa chữa				
	49.492.500	49.492.500	49.492.500	49.492.500

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	-	304.698.814	94.844.819.928	442.504.212	-	95.592.022.954
- Mua trong kỳ		134.536.364	71.121.997.482			71.256.533.846
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)			(15.542.037.287)			(15.542.037.287)
- Giảm khác (-)		(38.335.178)		(78.028.650)		(116.363.828)
Số dư cuối kỳ	-	400.900.000	150.424.780.123	364.475.562	-	151.190.155.685
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	38.335.178	29.437.133.788	436.322.393	-	29.911.791.359
- Khấu hao trong kỳ		129.795.960	13.486.386.946	6.181.819		13.622.364.725
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)			(10.404.246.262)			(10.404.246.262)
- Giảm khác (-)		(38.335.178)		(78.028.650)		(116.363.828)
Số dư cuối kỳ	-	129.795.960	32.519.274.472	364.475.562	-	33.013.545.994
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	266.363.636	65.407.686.140	6.181.819	-	65.680.231.595
- Tại ngày cuối kỳ	-	271.104.040	117.905.505.651	-	-	118.176.609.691

7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	-	-	733.967.020	-	733.967.020
- Mua trong kỳ						-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	733.967.020	-	733.967.020
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	594.506.226	-	594.506.226
- Khấu hao trong kỳ				111.568.620		111.568.620
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán (-)						-
- Giảm khác (-)						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	706.074.846	-	706.074.846
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	139.460.794	-	139.460.794
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	27.892.174	-	27.892.174

8 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.511.460.000	-	-	8.511.460.000
- Quyền sử dụng đất	8.511.460.000			8.511.460.000
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

9 Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- + Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- + Bảo hiểm xe cơ giới
- + Khác (phí kiểm định, phí sd đường bộ, GPS...)

b) Dài hạn

- + Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- + Chi phí sửa chữa tàu, sà lan phân bố

	31/12/2017	31/12/2016
	444.025.659	155.501.530
	15.418.178	40.786.970
	296.292.029	5.769.692
	132.315.452	108.944.868
	3.694.181.261	184.545.455
	109.823.109	184.545.455
	3.584.358.152	-
	4.138.206.920	340.046.985

10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2016	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	31/12/2017
a) Phải nộp	-	-	-	-
b) Phải thu	610.622.833	49.734.580.532	49.655.116.884	531.159.185
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	312.904.784	39.466.405.723	39.359.793.269	206.292.330
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.985.071.718	4.985.071.718	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.479.354.578	3.479.354.578	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.598.402	398.224.541	494.118.244	207.492.105
Thuế thu nhập cá nhân	182.456.036	710.224.845	645.143.559	117.374.750
Các loại thuế khác	3.663.611	695.299.127	691.635.516	-
	610.622.833	49.734.580.532	49.655.116.884	531.159.185

11 Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
- Chi phí nhiên liệu	30.154.988	12.590.909
- Chi phí thuê xe	60.753.727	4.617.202.833
- Chi phí sửa chữa xe	-	-
- Chi phí thực hiện Dịch vụ kỹ thuật hàng hải	-	1.392.828.707
- Chi phí khác	2.527.923.367	2.430.886.751
Cộng	2.618.832.082	8.453.509.200

12 Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
- Tài sản thừa chờ giải quyết	208.840.459	208.840.458
- Kinh phí công đoàn	21.557.549	16.282.507
- Bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN)	-	-
- Ký quỹ của lái xe và khách thuê xe	3.549.463.748	3.919.178.493
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	795.445.615	1.291.557.321
Cộng	4.575.307.371	5.435.858.779

13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	31/12/2017	31/12/2016
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	358.845.846	409.238.287
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	358.845.846	409.238.287

14 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	CỘNG
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	24.382.868.412	257.140.546.248
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lãi trong kỳ				21.157.970.986	21.157.970.986
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong kỳ (-)					-
- Lỗ trong kỳ (-)					-
- Giảm khác (-)				(22.750.756.342)	(22.750.756.342)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
Số dư đầu kỳ này	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	22.790.083.056	255.547.760.892
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lãi trong kỳ				1.113.627.275	1.113.627.275
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong kỳ (-)				(2.515.797.099)	(2.515.797.099)
- Lỗ trong kỳ (-)					-
- Giảm khác (-)					-
Số dư cuối kỳ này	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	21.387.913.232	254.145.591.068

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	31/12/2016
+ Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí	52.037.720.000	52.037.720.000
+ Công ty cổ phần Quản lý quỹ IB	-	39.641.000.000
+ Nguyễn Hồng Hiệp	48.680.000.000	27.950.000.000
+ Đỗ Anh Việt	37.000.000.000	
+ Công ty cổ phần SCI	10.989.000.000	20.989.000.000
+ Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát	9.641.000.000	
+ Đặng Duy Hải	7.700.000.000	
+ Công ty cổ phần Chứng khoán IB	5.591.000.000	5.591.000.000
+ PENSION RESERVES INVESTMENT TRUST FUND	3.259.000.000	3.259.000.000
+ Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	2.500.000.000	2.500.000.000
+ Cty CP ĐT & TM Dầu Khí Sông Đà	1.032.200.000	1.032.200.000
+ Công ty Cổ phần Hồng Ngân	-	143.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	51.570.080.000	76.857.080.000
	230.000.000.000	230.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2017	31/12/2016
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 vnd/cổ phiếu

d) Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2017	31/12/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	839.178.790	839.178.790
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.918.499.046	1.918.499.046

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu bán hàng thương mại	293.808.821.857	752.591.730.762
- Doanh thu dịch vụ	89.538.677.827	177.083.997.084
* Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	86.074.774.476	167.385.950.474
+ Vận tải bằng taxi, tàu + sà lan	4.335.925.183	13.605.509.997
+ Cho thuê xe văn phòng	80.874.849.293	135.036.273.377
+ Vận tải bằng xe bồn	864.000.000	18.744.167.100
* Doanh thu dịch vụ khác	3.463.903.351	9.698.046.610
+ Cho thuê tài xế	-	6.295.555.655
+ Quảng cáo, Sửa chữa, khác...	3.463.903.351	3.402.490.955
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	383.347.499.684	929.675.727.846
2 Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn hàng hoá đã bán	293.621.817.667	749.509.390.470
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	84.947.465.437	160.325.895.635
* Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải	80.740.342.227	151.295.713.382
* Giá vốn dịch vụ khác	4.207.123.210	9.030.182.253
Cộng	378.569.283.104	909.835.286.105
3 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.532.031.778	5.579.497.783
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.347.292.237	198.330.713
- Lãi chênh lệch tỷ giá	48.583.441	-
Cộng	8.927.907.456	5.777.828.496
4 Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền vay	-	5.330.204
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.218.147	6.531.366
- Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	6.502.320
Cộng	1.218.147	18.363.890
5 Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.861.108.979	18.373.665.484
- Tiền phạt thu được	-	48.121.531
- Các khoản khác	78.047.350	1.816.079.255
Cộng	1.939.156.329	20.237.866.270

6 Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
- Các khoản bị phạt	37.037.257	100.000.000
- Chi phí khác	521.130.006	199.721.559
Cộng	558.167.263	299.721.559

7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	485.286.832
- Chi phí nhân công	4.912.285.852	10.540.995.327
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.546.399	105.168.687
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.900.717.092	6.907.938.896
- Chi phí khác bằng tiền	463.101.355	939.532.193
Cộng	13.523.650.698	18.978.921.935

8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:	1.562.244.257	26.559.129.122
- Điều chỉnh trong kỳ:	228.670.100	(9.165.161.126)
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(251.962.211)	(9.611.822.685)
+ Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	480.632.311	446.661.559
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo	1.790.914.357	17.393.967.996
- Lỗ năm trước mang sang (-)		
- Thuế suất trong kỳ báo cáo	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	358.182.871	3.478.793.600
	40.041.670	
- Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	398.224.541	3.478.793.600

9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	50.392.441	1.922.364.538
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	50.392.441	1.922.364.538

VII. Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

	Năm 2017	Năm 2016
a) Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết:		
- Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo KQKD trong kỳ:	41.888.520.126	64.073.557.307
b) Ngoại tệ các loại	31/12/2016	31/12/2016
+ Tiền gửi ngân hàng		
+ Đô la Mỹ	USD 5.282,64	USD 0,00
c) Công cụ tài chính:		
c.1 Hệ số đòn bẩy tài chính :	31/12/2017	31/12/2016
+ Các khoản vay	-	-
Trừ : Tiền và tương đương tiền	36.013.354.028	100.225.634.171
+ Nợ thuần	(36.013.354.028)	(100.225.634.171)
+ Vốn chủ sở hữu	254.145.591.068	255.547.760.893
Tỷ lệ nợ thuần trên Vốn chủ sở hữu	(0,14)	(0,39)
c.2 Quản lý rủi ro thanh khoản :	31/12/2017	31/12/2016
Tài sản tài chính		
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	36.013.354.028	100.225.634.171
+ Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.530.973.953	17.361.152.567
+ Đầu tư tài chính	75.972.677.617	79.972.677.617
Tổng cộng	119.517.005.598	197.559.464.355
Công nợ tài chính		
+ Các khoản vay	-	-
+ Phải trả người bán và phải trả khác	8.854.587.299	15.028.871.277
+ Chi phí phải trả	2.618.832.082	8.453.509.200
Tổng cộng	11.473.419.381	23.482.380.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	108.043.586.217	174.077.083.878

Tính thanh khoản này được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin tưởng rằng đơn vị có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn (dài hạn).

Chênh lệch trên được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

2 Thông tin về thu nhập của Giám đốc năm 2017

- Từ quỹ tiền lương	471.863.658
- Từ Quỹ khen thưởng phúc lợi	45.660.000
Tổng thu nhập	517.523.658

3 Giao dịch với các đơn vị thành viên trong PVTRANS và Công ty có liên quan

Năm 2017	Doanh thu hoạt động	Doanh thu tài chính/khác	Mua hàng hóa/Dịch vụ	Phải thu	Phải trả
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí					900.000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương		648.335.988			
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp.Hồ Chí Minh	50.312.451.653	-	576.326.909		108.676.600
Công ty CP Vận tải sản phẩm khí quốc tế	864.000.000		269.676.648.182	79.200.000	216.000.000
Tổng	51.176.451.653	648.335.988	270.252.975.091	79.200.000	325.576.600

4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Để phục vụ mục đích quản lý chung của Tổng Công ty PVTrans, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: a) Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải; b) Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi (OFS/FPSO); c) Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác và d) Hoạt động thương mại. Tuy nhiên hiện nay, tại Công ty chưa phát sinh Bộ phận dịch vụ cung cấp kho nổi (OFS/FPSO).

a) Tài sản theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31/12/2017	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ OFS/FPSO	Dịch vụ khác	Thương mại	TỔNG
Tài sản bộ phận	140.121.570.128	-	220.044.263	199.081.692	140.540.696.083
Tài sản không phân bổ					131.727.072.964
Tổng tài sản					272.267.769.047
Nợ phải trả bộ phận	10.000.380.724	-	-	167.829.889	10.168.210.613
Nợ phải trả không bộ phận					7.953.967.366
Tổng nợ phải trả					18.122.177.979

b) Doanh thu theo lĩnh vực bộ phận

	Năm 2017	Năm 2016
+ Dịch vụ vận tải	65.573.784.369	140.426.837.080
+ Dịch vụ OFS/FPSO	-	-
+ Dịch vụ khác	3.382.099.106	7.538.995.784
+ Thương mại	226.117.401.283	752.297.779.836
	295.073.284.758	900.263.612.700

c) Giá vốn theo lĩnh vực bộ phận

	Năm 2017	Năm 2016
+ Dịch vụ vận tải	59.583.488.093	125.926.570.511
+ Dịch vụ OFS/FPSO	-	-
+ Dịch vụ khác	4.206.875.710	6.328.123.187
+ Thương mại	226.031.989.071	749.214.222.622
	289.822.352.874	881.468.916.321

d) **Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực bộ phận**

	Năm 2017	Năm 2016
+ Dịch vụ vận tải	5.990.296.276	14.500.266.569
+ Dịch vụ OFS/FPSO	-	-
+ Dịch vụ khác	(824.776.604)	1.210.872.597
+ Thương mại	85.412.212	3.083.557.214
	5.250.931.884	18.794.696.380

5 **Thông tin so sánh**

	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	383.347.499.684	929.675.727.846	(546.328.228.162)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.562.244.257	26.559.129.122	(24.996.884.865)

Nguyên nhân chênh lệch:

- **Doanh Thu giảm:** Năm 2017, Công ty đã thu hẹp các hoạt động kinh doanh thương mại LPG, hoạt động kinh doanh vận chuyển LPG bằng xe bồn do hiệu quả thấp. Hoạt động kinh doanh vận tải thủy, dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình mới đưa vào triển khai chưa mang lại hiệu quả kinh tế. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Doanh thu thuần kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước.

- **Lợi nhuận giảm:** Nguyên nhân lợi nhuận kế toán trước thuế giảm so với cùng kỳ năm trước là do việc thu hẹp các hoạt động kinh doanh và tái cấu trúc nêu trên. Cùng với đó, thu nhập khác từ khoản thanh lý tài sản của công ty cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là nguyên nhân chính làm cho tổng lợi nhuận trước thuế kỳ này giảm đi so với kỳ trước.

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


Hoàng Lê Hương


Lương Minh Dương




Đặng Chanh Hải

Số:/TTTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ - Vận tải Dầu Khí Cửu Long;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung liên quan đến việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC năm 2017	21.387.913.232	
1.1	Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại	20.274.285.957	
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	1.113.627.275	
2	Phân phối lợi nhuận	300.000.000	
2.1	Trích lập các quỹ:	300,000,000	
	- Quỹ khen thưởng & phúc lợi	300.000.000	
	- Quỹ đầu tư phát triển	-	
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	
2.2	Chia cổ tức	-	
3	Lợi nhuận để lại (3 = 1 - 2)	21.087.913.232	

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục theo qui định.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Tp.HCM, ngày tháng 01 năm 2018

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018 như sau:

PHẦN A

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long gồm có 03 thành viên, trong đó 01 trưởng Ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện giám sát theo dõi các hoạt động theo sự phân công của trưởng Ban Kiểm soát.

Nhân sự Ban Kiểm soát gồm có:

- Ông Phạm Văn Hưng, Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm);
- Ông Lê Trúc Lâm, thành viên (kiêm nhiệm);
- Bà Vũ Thị Phượng, thành viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát

a. Hoạt động của Trưởng ban kiểm soát- Phạm Văn Hưng (Kiêm nhiệm)

- Giám sát hoạt động tài chính của Công ty; thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên;
- Chịu trách nhiệm đôn đốc thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong BKS, triệu tập và chủ trì các cuộc họp BKS;
- Ủy quyền cho thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt;
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của BKS được gửi đến ĐHĐCĐ;

- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT xin ý kiến;

- Các công việc phát sinh khác.

b. Ông Lê Trúc Lâm - Thành viên BKS

- Xem xét, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, hàng năm và kế hoạch 05 năm của Đơn vị;

- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 05 năm và chiến lược phát triển của công ty;

- Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

- Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo ĐHĐCĐ công ty;

- Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

c. Bà Vũ Thị Phương - Thành viên BKS

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty đối với tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty trừ những trường hợp nêu tại mục a trên đây;

- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư;

- Xem xét tính hợp lý, tính tuân thủ các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế;

- Có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng ban hành các quy chế, quy định của công ty và các vấn đề khác khi được HĐQT đơn vị xin ý kiến;

- Định kỳ hàng quý/năm gửi các báo cáo về nội dung được phân công về Trưởng BKS để tổng hợp báo ĐHĐCĐ công ty;

- Các công việc khác theo phân công của Trưởng BKS.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

3.1. Nội dung công tác Kiểm soát của BKS

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 03 lần để bàn về các nội dung: - *Kiểm tra kết quả ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; Xem xét việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty; Tháng 1/2018 Ban kiểm soát họp thống nhất xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra định kỳ tại đơn vị để phục vụ công tác lập báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.* Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ Điều lệ; giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của

HĐQT, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, pháp luật Nhà nước, các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tổng công ty.

– Đánh giá, giám sát các thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.

– Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

– Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

– Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

– Kiểm soát việc thực hiện đề án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long.

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

a. Hội đồng quản trị:

 Thành phần Hội đồng quản trị:

Từ 18/05/2017 đến 06/12/2017, Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên bao gồm:

1. Ông Phạm Quang Huy – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT
3. Ông Hồ Sĩ Thuận – Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Công Tâm – Thành viên HĐQT

Trong năm 2017, thành phần Hội đồng quản trị có nhiều xáo trộn, cụ thể như sau:

– Ngày 06/12/2017, Hội đồng quản trị bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

– Ngày 07/12/2017 Ông Phạm Quang Huy xin từ nhiệm, Hội đồng quản trị bầu Ông Lê Hoàng Phương tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

– Ngày 08/12/2017, Ông Nguyễn Công Tâm xin từ nhiệm. Đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông Hồ Sĩ Thuận làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

– Ngày 11/12/2017, Hội đồng quản trị bầu Ông Nguyễn Bá Nghị tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018 phê duyệt.

Như vậy đến thời điểm hiện tại Hội đồng quản trị công ty gồm các thành viên sau:

1. Ông Hồ Sĩ Thuận – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Thanh Sơn – Thành viên HĐQT
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý – Thành viên HĐQT
4. Ông Lê Hoàng Phương – Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Bá Nghị – Thành viên HĐQT

HDQT của Công ty PCT được bầu cho nhiệm kỳ 2013-2018 sẽ hết nhiệm kỳ năm 2018, do đó ĐHCĐ thường niên năm 2018 đơn vị sẽ phải thực hiện bầu thành viên HDQT cho nhiệm kỳ mới.

Tình hình họp HDQT

Trong năm 2017 các HDQT Công ty tiến hành họp tổng cộng 11 buổi, chi tiết về tình hình tham dự họp của các thành viên HDQT Công ty trong năm 2017 cụ thể như sau:

TT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Phạm Quang Huy	Chủ tịch	8/11	73%	Xin từ nhiệm từ ngày 07/12/2017
2	Hồ Sỹ Thuận	Chủ tịch/Thành viên	11/11	100%	
3	Lê Thanh Sơn	Thành viên	11/11	100%	
4	Nguyễn Công Tâm	Thành viên	9/11	82%	Xin từ nhiệm từ ngày 08/12/2017
5	Nguyễn Thị Hồng Thuý	Thành viên	4/11	36%	Bầu tạm thời từ ngày 06/12/2017
6	Lê Hoàng Phương	Thành viên	3/11	27%	Bầu tạm thời từ ngày 07/12/2017
7	Nguyễn Bá Nghị	Thành viên	1/11	0,09%	Bầu tạm thời từ ngày 11/12/2017

Tình hình ban hành các Nghị quyết, quyết định

Trong năm 2017 HDQT Công ty đã ban hành tổng cộng 25 Nghị quyết và 05 Quyết định về tình hình SXKD của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số văn bản	Ngày	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện
I. CÁC NGHỊ QUYẾT HDQT NĂM 2017				
1	01 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Phê duyệt báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017	Đang thực hiện
2	2 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Phê duyệt Quy chế làm việc của HDQT và phân cấp thẩm quyền cho GD công ty	Đang thực hiện
3	3 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và quyết định mua sà lan trọng tải 9.036tấn và tàu kéo công suất 3.200HP	Đã thực hiện
4	4 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Phê duyệt cơ cấu tổ chức công ty	Đã thực hiện
5	5 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Miễn nhiệm chức danh P.GĐ CN Côn Sơn với ông Lê Viết Thắng từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện
6	6 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Bổ nhiệm ông Lê Viết Thắng làm PP.Khai thác - Thương mại từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện
7	7 /NQ-PCT-HDQT	13/01/2017	Giao nhiệm vụ cho ông Lê Văn Phong P.GĐ công ty kiêm nhiệm trưởng phòng Khai Thác-Thương Mại từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện

8	8 /NQ-PCT-HĐQT	13/01/2017	Giao nhiệm vụ cho bà Dương Thị Thùy Linh kiêm nhiệm chức danh GD CN Vũng Tàu từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện
9	9 /NQ-PCT-HĐQT	13/01/2017	Giao nhiệm vụ cho ông Tôn Đức Quân kiêm nhiệm kê toán tổng hợp CN Vũng Tàu từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện
10	10 /NQ-PCT-HĐQT	8/3/2017	Phê duyệt dự án đầu tư sà lan trọng tải khoảng 9.000DWT-12.000DWT và tàu kéo công suất khoảng 2.400HP -3.200HP vận chuyên hàng rời	Đã thực hiện
11	11 /NQ-PCT-HĐQT	7/4/2017	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ 2017	Đã thực hiện
12	12 /NQ-PCT-HĐQT	25/4/2017	Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017	Đã thực hiện
13	13 /NQ-PCT-HĐQT	25/4/2017	Thông qua nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên 2017	Đã thực hiện
14	14 /NQ-PCT-HĐQT	26/6/2017	Phê duyệt đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017	Đã thực hiện
15	15 /NQ-PCT-HĐQT	26/6/2017	Chi thưởng cho các tập thể của Công ty từ quỹ thưởng Ban điều hành	Đã thực hiện
16	16 /NQ-PCT-HĐQT	6/12/2017	Bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Đã thực hiện
17	17 /NQ-PCT-HĐQT	6/12/2017	Miễn nhiệm phó giám đốc công ty và giám đốc CN miền Bắc Phan Thanh Hà	Đã thực hiện
18	18 /NQ-PCT-HĐQT	6/12/2017	Bổ nhiệm Giám đốc CN Miền Bắc với ông Dương Vũ Phong	Đã thực hiện
19	19 /NQ-PCT-HĐQT	7/12/2017	Miễn nhiệm thành viên HĐQT và chủ tịch HĐQT với ông Phạm Quang Huy	Đã thực hiện
20	20 /NQ-PCT-HĐQT	7/12/2017	Bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 ông Lê Hoàng Phương	Đã thực hiện
21	21 /NQ-PCT-HĐQT	8/12/2017	Bầu chủ tịch HĐQT ông Hồ Sĩ Thuận	Đã thực hiện
22	22 /NQ-PCT-HĐQT	8/12/2017	Miễn nhiệm thành viên HĐQT với ông Nguyễn Công Tâm	Đã thực hiện
23	23 /NQ-PCT-HĐQT	11/12/2017	Bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 ông Nguyễn Bá Nghị	Đã thực hiện
24	24 /NQ-PCT-HĐQT	11/12/2017	Phê duyệt thủ tục để tổ chức ĐHCĐ 2018 và XD kế hoạch 2018	Đã thực hiện
25	25 /NQ-PCT-HĐQT	14/12/2017	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018	Đã thực hiện
II. CÁC QUYẾT ĐỊNH HĐQT NĂM 2017				
1	01/QD-PCT-HĐQT	5/1/2017	Cử ông Dương Vũ Phong đi công tác Singapore từ ngày 05/1/2017-08/1/2017	Đã thực hiện
2	02 /QD-PCT-HĐQT	13/01/2017	Giao nhiệm vụ cho bà Dương Thị Thùy Linh kiêm nhiệm chức danh GD CN Vũng Tàu từ ngày 16/1/2017	Đã thực hiện
3	3 /QD-PCT-HĐQT	8/3/2017	Cử ông Dương Vũ Phong đi công tác Thái Lan từ ngày 11/3/2017-12/3/2017	Đã thực hiện
4	4 /QD-PCT-HĐQT	21/6/2017	Cử ông Dương Vũ Phong đi công tác Indonesia từ ngày 23/6-25/6	Đã thực hiện

5	5 /QĐ-PCT- HDQT	16/11/2017	Cử ông Dương Vũ Phong đi công tác Nhật Bản từ ngày 16/11-21/11	Đã thực hiện
---	--------------------	------------	---	--------------

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Hiện tại, Đơn vị chưa có Báo cáo tài chính năm 2017, tuy nhiên căn cứ số liệu ước thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Ban điều hành cung cấp thì đây là năm có kết quả kinh doanh đặc biệt thấp so với những năm gần đây, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tái cơ cấu đội xe văn phòng và đặc biệt đến từ việc dự án sà lan tàu kéo chậm đi vào khai thác, đồng thời việc khai thác kém hiệu quả. Chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chi tiêu chính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Ước Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện	
					So với Thực hiện năm 2016	So với KH năm 2017
1	Doanh thu	955.69	1.000	394.21	41,25%	39,42%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.56	26.8	1.56	5,87%	5,82%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.16	21.44	1.11	5,25%	5,18%

b. Ước Kết quả kinh doanh theo loại hình

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	NỘI DUNG	CỘNG	Vận chuyển		Vận tải thủy	Thương mại	Tài Chính	Khác
			Xe bồn	Xe VP				
I	DOANH THU	394.215	864	80.875	4.336	293.809	8.928	5.403
1	Doanh thu hoạt động	383.348	864	80.875	4.336	293.809		3.464
2	Doanh thu tài chính	8.928					8.928	
3	Doanh thu khác	1.939						1.939
II	CHI PHÍ	392.652	835	78.049	11.004	295.351	1	7.412
1	Giá vốn hoạt động	378.569	835	73.770	6.135	293.622		4.207
2	Chi phí tài chính	1					1	
3	Chi phí bán hàng							
4	Chi phí quản lý (*)	13.524		4.279	4.869	1.729		2.647
5	Chi phí khác	558						558
	LÃI / LỖ	1.562	29	2.826	-6.668	-1.542	8.927	-2.009

(*) Chi phí Quản lý doanh nghiệp được phân bổ theo tiêu thức tỷ trọng lao động quản lý tham gia vào từng loại hình kinh doanh.

c. Tình hình đầu tư

❖ Dự án đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI

Dự án đầu tư 50 trái phiếu do Công ty Cổ phần SCI phát hành với tổng mức đầu tư là 52,4 tỷ đồng đã được hoàn tất các thủ tục thanh toán và chuyển nhượng vào ngày

17/12/2016, thông qua Hợp đồng mua bán trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Cửu Long và Công ty Chứng khoán IB, đây là dự án đầu tư tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Công ty và đã được Ban Kiểm soát khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị cũ của Công ty trước khi thực hiện đầu tư nhưng dự án vẫn được thực hiện.

Do đó, Ban kiểm soát tiếp tục khuyến nghị HĐQT mới của Công ty nhanh chóng tìm mọi biện pháp để thu hồi khoản đầu tư này trong thời gian sớm nhất có thể.

❖ *Dự án đầu tư sà lan 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP (sà lan số 1):*

– Tổng mức đầu tư được phê duyệt theo FS là 60,126,598,200 đồng, chí phí đầu tư đề nghị quyết toán là 60,126,598,200 đồng, hiện tại Công ty đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán dự án.

– Thời gian khởi công/hoàn thành: tháng 12/2016; Ngày nhận bàn giao tàu kéo 28/02/2017; Ngày nhận bàn giao sà lan 10/4/2017; ngày hoàn thành lên dock 15/8/2017. Như vậy thời gian kể từ khi thực hiện đầu tư đến khi tàu đưa vào khai thác là quá dài, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả khai thác của dự án và kết quả kinh doanh của Công ty.

– Thủ tục đầu tư: Về cơ bản đơn vị đã thực hiện các thủ tục phê duyệt và thực hiện theo Luật đấu thầu ngày 9/12/2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP bao gồm các bước Phê duyệt chủ trương dự án, phê duyệt ngân sách và kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, thành lập các tổ Chuyên gia đấu thầu, tổ thẩm định thầu... Đơn vị thực hiện đấu thầu theo danh sách ngắn. Tuy nhiên trong số các thành viên của Tổ chuyên gia đấu thầu có 01 thành viên Bà Vũ Thị Lan Anh chưa có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; 01 thành viên là Ông Lê Viết Thắng tổ thẩm định thầu chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu.

– Hiệu quả dự án đầu tư sà lan 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP: Căn cứ FS được phê duyệt và thực tế khai thác của đơn vị, Ban kiểm soát đã thực hiện tính toán so sánh để đánh giá hiệu quả khai thác giữa FS và thực tế kể từ thời điểm đưa vào khai thác đến hết ngày 31/12/2017 như sau:

STT	Nội dung	Hiệu quả theo FS được duyệt	Hiệu quả thực tế	So sánh
1	Doanh thu năm đầu	28,265,737,500	4,335,925,183	-23,929,812,317
2	Chi phí năm đầu	21,752,870,904	11,004,000,000	-10,748,870,904
3	Lợi nhuận	6,512,866,596	-6,668,074,817	-13,180,941,413

Như vậy hiệu quả khai thác dự án đầu tư sà lan 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP thực tế của Đơn vị là thấp hơn rất nhiều so với phương án khai thác đã được xây dựng trong FS.

❖ *Dự án đầu tư xe văn phòng kinh doanh cho thuê: đã đầu tư được 32 xe các loại, với tổng giá trị đầu tư 32.797.000.000đồng.*

3.4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty

- Hiện tại, Điều lệ Công ty chưa được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT Công ty cần tiến hành rà soát, dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ theo đúng quy định trình ĐHCĐ thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

- Nhiều quy chế/quy định của đơn vị đã được ban hành từ khá lâu không còn phù hợp với tình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, trong quá trình sửa đổi bổ sung chưa có sự đồng nhất dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa chính các quy chế/quy định này. Do đó, cần rà soát cập nhật lại cho phù hợp với tình hình thực tế hiện tại của đơn vị, đảm bảo tính thống nhất của các quy định và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Một số Quy chế vẫn còn để tên Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (thiếu chữ “dịch vụ”), địa chỉ tại Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Do yêu cầu phải tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018 một cách cấp bách để tái cơ cấu, kiện toàn lại bộ máy tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 nên đơn vị chưa kịp hoàn thiện Báo cáo tài chính năm 2017.

Do đó, Ban kiểm soát sẽ thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017, kết thúc 31/12/2017 ngay sau khi Đơn vị cung cấp Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 và sẽ thực hiện công bố thông tin kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 cho các cổ đông được biết.

III. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty chưa tốt, xuất phát từ sự thiếu hợp tác, hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, cũng như không tiếp thu các ý kiến đóng góp và khuyến nghị của Ban Kiểm soát về các vấn đề quan trọng của Công ty.

Tuy nhiên, kể từ sau khi có sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế cho các thành viên Hội đồng quản trị cũ trước đây thì sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty đã được cải thiện rất tốt, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để thực hiện chức trách nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty.

PHẦN B

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017. Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2018 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành và thực hiện các văn bản quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;

- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2018. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát kính trình đại hội xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

PHẠM VĂN HÙNG

Số:/TTTr-PCT-BKS

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long;

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của Công ty cho năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán lớn, có nhiều kinh nghiệm và trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2018, cụ thể:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
3. Công ty kiểm toán KPMG;
4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C.
5. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
6. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong sáu Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2018 theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Số: /TTr – PCT-HĐQT

Tp. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Báo cáo thù lao năm 2017

Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2018

Kính gửi: Đại hội Cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu Khí Cửu Long;

Công ty xin báo cáo thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau;

I. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2017:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải dầu khí Cửu Long (Pvtrans-PCT) về việc kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2017, Công ty Pvtrans-PCT báo cáo thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT không chuyên trách thù lao: 3.000.000 đồng/người/tháng; Trưởng BKS không chuyên trách: 1.500.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng. Kế hoạch được duyệt năm 2017 là 249.677.250 đồng. Tổng số tiền thù lao thực hiện là: 260.428.757 đồng, chênh lệch tăng 10.751.507 đồng – do bổ sung thêm TVHĐQT.

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo đúng Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty Pvtrans-PCT.

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018:

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2018; căn cứ quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Công ty Pvtrans-PCT báo cáo kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT không chuyên trách thù lao: 3.000.000 đồng/người/tháng; Trưởng BKS không chuyên trách: 1.500.000

đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.
Tổng số tiền thù lao dự kiến là: 222.000.000 đồng.

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo đúng Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty Pvtrans-PCT.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên,
- BKS
- Lưu VT, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Tài liệu đính kèm:

- BC thù lao năm 2017;
- KH thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS.

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP.HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Phê duyệt việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phạm Quang Huy vào ngày 07/12/2017 và của Ông Nguyễn Công Tâm vào ngày 08/12/2017. Căn cứ khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty và điểm c khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên nêu trên không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 của Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Vì vậy Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 đối với Ông Phạm Quang Huy và Ông Nguyễn Công Tâm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP.HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Phê duyệt việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ ĐHCĐ-PCT về việc không phê duyệt chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Đào Ngọc Quỳnh. Đồng thời Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phạm Quang Huy vào ngày 07/12/2017 và của Ông Nguyễn Công Tâm vào ngày 08/12/2017. Căn cứ khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty Hội đồng quản trị đã bầu Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý vào ngày 06/12/2017, Ông Lê Hoàng Phương vào ngày 07/12/2017 và Ông Nguyễn Bá Nghị vào ngày 11/12/2017 tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018. Ngày 08/12/2017 các thành viên Hội đồng quản trị đã nhất trí bầu Ông Hồ Sĩ Thuận là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 đối với Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý, Ông Lê Hoàng Phương và Ông Nguyễn Bá Nghị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/05/2017;

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần dịch vụ-vận tải dầu khí Cửu Long (“PCT”) nhận được Văn bản đề cử các ứng viên để bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 của các cổ đông đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty cụ thể như sau:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ % tổng số cổ phần	Số lượng ứng viên đề cử	Họ tên ứng viên
01				
02				
03				
04				

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu các ứng viên theo đề nghị của các cổ đông theo đúng trình tự do pháp luật quy định để bầu ra 05 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận

- Nhu trên
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc bầu kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long được ĐHCĐ thông qua ngày 18/05/2017;

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần dịch vụ-vận tải dầu khí Cửu Long (“PCT”) nhận được Văn bản đề cử các ứng viên để bầu kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 của các cổ đông đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty cụ thể như sau:

1.

STT	Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ % tổng số cổ phần	Số lượng ứng viên đề cử	Họ tên ứng viên
01				
02				
03				
04				

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu các ứng viên theo đề nghị của các cổ đông theo đúng trình tự do pháp luật quy định để bầu ra 03 kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Nhu trên
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số:/TTTr-PCT-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc chia cổ tức năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ - Vận tải Dầu Khí Cửu Long;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chia cổ tức như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại (theo Báo cáo tài chính năm 2017)	20.274.285.957	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 còn lại sau khi trích lập các quỹ	813.627.257	
3	Chia cổ tức	20.700.000.000	(9% VDL)
4	Lợi nhuận để lại	387.913.214	(=1+2-3)

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục theo qui định.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch